



Thời gian làm bài : Số báo danh: 3121df54200

Câu hỏi

- 1** Thoái hoá cột sống cổ là thuật ngữ để chỉ nhóm bệnh có đặc điểm nào sau đây:
- a. ☐ Thoái hoá đĩa đệm vùng cổ mạn tính
 - b. ☐ Thoát vị nhân đệm vùng cột sống cổ
 - c. ☐ Vô hoá thứ phát và tạo gai xương ở đốt sống cổ
 - d. ☐ A và C đúng
 - e. ☒ A, B và C đúng
- 2** Một bệnh nhân hôn mê, khám thấy mắt và đầu bệnh nhân xoay (T), liệt ½ người (T). Tổn thương sẽ ở:
- a. ☐ Tuỷ cổ (P)
 - b. ☐ Bán cầu (T)
 - c. ☐ Cầu não (T)
 - d. ☐ Bán cầu (P)
 - e. ☒ Cầu não (P)
- 3** Chất men nào làm tăng **chất dẫn truyền** bị thiếu hụt trong bệnh Parkinson:
- a. ☐ GABA transaminase
 - b. ☐ Tyrosine hydroxylase *Tạo LDOPA*
 - c. ☐ Acetylcholinesterase
 - d. ☐ MAO (Monoamine oxidase)
 - e. ☒ Tất cả đều sai.
- 4** Một phụ nữ 55 tuổi nhập viện vì đau nhói ½ mặt như dao đâm, đau cách hồi, ngắn, chạm vào đau. Khám các dây sọ bình thường, các cấu trúc vùng mặt bình thường, xử trí đầu tiên dùng:
- a. ☐ Amitriptylin
 - b. ☐ Propranolol
 - c. ☐ Paracetamol
 - d. ☒ Carbamazepine
 - e. ☐ Ergotamin
- 5** Triệu chứng chính của bệnh Parkinson, NGOẠI TRỪ:
- a. ☐ Run

- b. ☐ Mất ổn định tư thế
- c. ☐ Vận động chậm và giảm vận động
- d. ☐ Co giật
- e. ☐ Cứng cơ (rigidity)

6 Đặc điểm nào KHÔNG là tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh nhược cơ:

- a. ☐ CT scan ngực có u tuyến ức
- b. ☐ Test thuốc Tensilon dương tính
- c. ☐ Jolly test dương tính trên điện cơ
- d. ☐ Tìm thấy kháng thể kháng thụ thể Acetylcholine trong máu
- e. ☐ Yếu cơ khi gắng sức và cải thiện khi nghỉ ngơi

7 Dấu hiệu tổn thương rễ S1:

- a. ☐ mất phản xạ gót
- b. ☐ tăng phản xạ gân cơ
- c. ☐ tăng trương lực cơ
- d. ☐ liệt nhóm cơ gấp lưng bàn chân
- e. ☐ clonus gót

8 Chóng mặt do tổn thương tiền đình có các đặc điểm sau đây, NGOẠI TRỪ:

- a. ☐ Kèm ù tai, giảm thính lực
- b. ☐ Kèm cảm giác buồn nôn, nôn
- c. ☐ Chóng mặt kiểu quay tròn, mọi vật quay hay chính mình quay xung quanh
- d. ☐ Cảm giác tối sầm, hoa mắt, muốn ngất xỉu
- e. ☐ Chóng mặt từng cơn, tăng khi đầu cử động

9 Trong các biện pháp điều trị sau đây, phương pháp nào KHÔNG phải là phương pháp điều trị cho bệnh viêm cơ và da (viêm cơ - bì, dermatomyositis):

- a. ☐ Thay huyết tương,
- b. ☐ Corticosteroid,
- c. ☐ Truyền Immunoglobulin tĩnh mạch (IVIG)
- d. ☐ Ức chế miễn dịch,
- e. ☐ Kháng cholinesterase.

10 Dấu hiệu Gowers là một trong những dấu hiệu lâm sàng giúp chẩn đoán nhóm bệnh nào sau đây:

- a. ☐ Bệnh màng sau của tiếp hợp thần kinh cơ.
- b. ☐ Bệnh thần kinh tọa.
- c. ☐ Bệnh rễ và dây thần kinh ngoại biên.
- d. ☐ Bệnh cơ.

e. ☐ Bệnh neuron vận động ở sừng trước tủy sống.

11 Bệnh nhân há miệng thì hàm dưới lệch qua bên phải, tổn thương ở:

- a. ☐ Thần kinh VII bên phải
- b. ☐ Thần kinh V bên trái
- c. ☐ Thần kinh VII bên trái
- d. ☒ Thần kinh V bên phải
- e. ☐ Tất cả đều sai

12 Thuốc chống động kinh hàng đầu cho cơn động kinh vắng ý thức:

- a. ☒ Valproate
- b. ☐ Carbamazepine
- c. ☐ Phenobarbital
- d. ☐ Benzodiazepine
- e. ☐ Phenytoin

13 Câu nào sau đây KHÔNG ĐÚNG khi nói về bó dẫn truyền cảm giác sâu:

- a. ☐ Chức năng dẫn truyền cảm giác sờ tinh vi, phân biệt 2 điểm, rung âm thoa, cảm giác tư thế và chuyển động
- b. ☒ Đi trong cột bên, gồm bó thon và bó chêm
- c. ☐ Tế bào cảm giác số 2 dừng tại nhân bụng sau bên của đồi thị
- d. ☐ Bắt chéo sang bên đối diện tại phần thấp hành não
- e. ☐ Tại thân não, cảm giác sâu được dẫn truyền trong liềm trong

14 Nhân thần kinh sọ nào sau đây bị tổn thương trong hội chứng Wallenberg:

- a. ☐ Nhân thần kinh III
- b. ☐ Nhân vận động thần kinh V
- c. ☒ Nhân thần kinh IX, X
- d. ☐ Nhân vận động thần kinh XII
- e. ☐ Nhân thần kinh XI

15 Đặc điểm nào KHÔNG gặp trong hội chứng Guillain-Barré:

- a. ☒ Kéo dài quá 2 tháng hoặc tái đi tái lại
- b. ☐ Hình ảnh tổn thương mất myelin của các dây thần kinh
- c. ☐ Phân ly đạm tế bào của dịch não tủy
- d. ☐ Bất thường bệnh học viêm tại các rễ thần kinh tủy sống
- e. ☐ Bất thường về dẫn truyền thần kinh trong khảo sát điện cơ ký

16 Nghiệm pháp bước đi hình sao:

- a. ☐ Liên quan đến tổn thương ốc tai.
- b. ☐ Đi tới lệch về bên bệnh, đi lùi lệch về bên lành
- c. ☐ Dương tính trong tổn thương bán cầu tiểu não một bên
- d. ☐ Đi như người say rượu
- e. ☐ Tất cả đều sai

17 Nguyên nhân nào sau đây KHÔNG thuộc nhóm rối loạn tiền đình trung ương:

- a. ☐ Thiếu năng tuần hoàn não
- b. ☐ U góc cầu tiểu não,
- c. ☐ Bệnh Ménière
- d. ☐ Xơ cứng rải rác
- e. ☐ Nhồi máu vùng hành tủy bên

18 Khi nói về dịch não tủy trong hội chứng Guillain-Barré, câu nào sau đây KHÔNG đúng:

- a. ☐ Protein của dịch não tủy tăng cao (46-300 mg/dL)
- b. ☐ Hiện tượng phân ly đậm tế bào của dịch não tủy được ghi nhận trong 90% các bệnh nhân
- c. ☐ Số lượng tế bào của dịch não tủy bình thường hoặc tăng ít dưới 10 tế bào/ μ L
- d. ☐ Nếu số lượng tế bào tăng vừa phải ở khoảng 50 tế bào/ μ L, cần nghĩ đến khả năng hội chứng Guillain-Barré liên quan với nhiễm HIV, nhiễm *Borrelia burgdorferi*
- e. ☐ Tế bào ái toan chiếm ưu thế

19 Bệnh nhân nam, 48 tuổi, khai có cơn chóng mặt khởi phát đột ngột tái phát nhiều lần. Cơn chóng mặt xoay tròn khi ngồi dậy hay nằm xuống giường, triệu chứng kéo dài 30 giây và hết hoàn toàn, không có tổn thương thính lực và các các dấu thần kinh khác. Chẩn đoán nhiều khả năng nhất là :

- a. ☐ Migraine động mạch nền
- b. ☐ Chóng mặt tư thế kịch phát lành tính
- c. ☐ Bệnh Meniere
- d. ☐ U lành tính tiểu não
- e. ☐ Thiếu máu thân não

20 Dấu vén màn có khi tổn thương thần kinh sọ:

- a. ☒ X
- b. ☐ XI
- c. ☐ XII
- d. ☐ VI
- e. ☐ V

21 Cảm giác nông là các cảm giác sau, NGOẠI TRỪ:

- a. ☐ Rung âm thoa

- b. ☐ Nhiệt
- c. ☐ Đau
- d. ☐ Sờ
- e. ☐ Tạng

22 Động mạch Adamkiewicz:

- a. ☐ Xuất phát từ động mạch cảnh trong.
- b. ☐ Cung cấp máu cho vùng tủy cổ.
- c. ☐ Là một phần của đa giác Willis.
- d. ☐ Đi vào tủy ở khoảng T8 - L4.
- e. ☐ Tất cả các câu trên đều sai.

23 Phân loại cơn động kinh của Liên hội chống động kinh Thế giới:

- a. ☐ Cơn không phân loại
- b. ☐ Cơn cục bộ
- c. ☐ Cơn toàn thể
- d. ☐ A và B
- e. ☐ A, B và C

24 Bệnh nhân nam 25 tuổi, nhập viện vì không xúc. Khám ghi nhận bệnh nhân hoàn toàn không có cử động tứ chi, phản xạ da lòng bàn chân đáp ứng duỗi ngón cái 2 bên, đồng tử 2 mm, phản xạ ánh sáng (+), còn cử động nhìn dọc và nhắm mở mắt theo y lệnh. Chẩn đoán của bạn:

- a. ☐ Trạng thái thực vật kéo dài
- b. ☐ Hội chứng khóa trong
- c. ☐ Chết não
- d. ☐ Trạng thái lạng thính bất động
- e. ☐ Không đáp ứng nguồn gốc tâm lý

25 Dấu hiệu nào KHÔNG phải là đặc điểm của liệt vận động ngoại biên:

- a. ☐ Rung giật bó cơ
- b. ☐ Giảm phản xạ gân cơ.
- c. ☐ Teo cơ khu trú.
- d. ☐ Đa động, clonus gân gót.
- e. ☐ Yếu cơ khu trú.

26 Trong bệnh viêm đa cơ, triệu chứng nào nêu dưới đây thường sẽ KHÔNG có:

- a. ☐ Yếu cơ cân xứng hai bên.
- b. ☐ Men CK tăng trong máu
- c. ☐ Yếu cơ gốc chi nặng hơn ngọn chi

- d. ☐ Yếu cơ tăng tiến từ từ.
- e. ☐ Đau nhiều ở các cơ bắp

- 27** Một bé trai 5 tuổi bị yếu cơ từ từ, dễ bị té ngã, dáng đi lắc lư khung chậu và quá ưỡn vùng thắt lưng, khi ngồi đất muốn đứng lên phải chống tay xuống rồi mới đưa người lên được. Xét nghiệm nào nêu dưới đây sẽ giúp ích cho chẩn đoán:
- a. ☐ Siêu âm mạch máu.
 - b. ☐ Chụp MRI cột sống
 - c. ☐ Điện cơ.
 - d. ☐ Chụp X quang khung chậu.
 - e. ☐ Cộng hưởng từ.
- 28** Bệnh nhân nữ, 20 tuổi, nhập viện vì yếu hai chân tăng dần trong vòng 5 ngày. Ngày thứ 3 sau nhập viện, bệnh nhân có cảm giác khó nuốt, ngộp thở, khàn giọng, nói yếu. Khi thăm khám thần kinh ở ngày thứ 8 của bệnh ghi nhận bệnh nhân tỉnh táo, mắt (P) nhắm không kín, mờ nếp má mũi bên (P), vòm hầu bên (P) thấp hơn bên (T), sức cơ hai tay 2/5, hai chân 0/5, phản xạ da lòng bàn chân không đáp ứng, cảm giác đau và nhiệt kém ở hai chân từ gối xuống. Khai thác tiền căn nào sau đây hỗ trợ nhiều nhất cho việc chẩn đoán:
- a. ☐ PARA
 - b. ☐ Tình trạng sức khỏe của ba mẹ bệnh nhân
 - c. ☐ Chích ngừa trong vòng vài tuần trước khi khởi phát bệnh
 - d. ☐ Học vấn
 - e. ☐ Phát triển tâm thần vận động lúc còn nhỏ
- 29** Khi dùng phương pháp "tăng thông khí" để điều trị tăng áp lực nội sọ, điều nào sau đây KHÔNG ĐÚNG:
- a. ☐ Có thể tăng thông khí kéo dài hơn 24 giờ để hiệu quả tăng thêm.
 - b. ☐ PaO2 cần giữ trong khoảng 120-140 mmHg.
 - c. ☐ Giữ PaCO2 xuống trong khoảng 30-35 mmHg để giảm lưu lượng máu não và thể tích máu não.
 - d. ☐ Tăng thông khí có thể làm giảm huyết áp do làm giảm máu tĩnh mạch trở về.
 - e. ☐ Nếu PaCO2 dưới 20 mmHg sẽ gây ra thiếu máu não cục bộ.
- 30** Bệnh nhân nhồi máu tiểu não, nguy cơ tử vong chủ yếu do:
- a. ☐ Phù tiểu não gây chèn ép thân não
 - b. ☐ Bản thân nhồi máu tiểu não gây hôn mê sâu
 - c. ☐ Biến chứng phù phổi cấp hay xảy ra trên người nhồi máu tiểu não
 - d. ☐ Nôn ói nhiều gây rối loạn nước và điện giải
 - e. ☐ Chóng mặt dễ gây chấn thương đầu do té
- 31** Điều nào sau đây đúng khi nói về điều trị tai biến mạch máu não :
- a. ☐ Nên truyền Glucose 5% để nuôi ăn trong giai đoạn cấp
 - b. ☐ Aspirin làm giảm tỷ lệ tử vong và tái phát trong điều trị thiếu máu não cấp.
 - c. ☐ Không có điều trị đặc hiệu tai biến mạch máu não

- d. ☐ Cần hạ áp tích cực bằng nifedipine ngậm dưới lưỡi nếu bệnh nhân có tăng huyết áp
- e. ☐ Tai biến mạch máu não không điều trị được

32 Cơ động kinh nào KHÔNG gây rối loạn ý thức trong cơn:

- a. ☐ Cơ cục bộ đơn giản
- b. ☐ Cơ vắng ý thức điển hình
- c. ☐ Cơ co cứng-co giật toàn thể
- d. ☐ Cơ vắng ý thức không điển hình
- e. ☐ Cơ cục bộ phức tạp

33 Mất sự phối hợp giữa cơ đồng vận và đối vận là đặc điểm của nhóm bệnh lý nào sau đây:

- a. ☐ Bệnh lý của tủy sống
- b. ☐ Bệnh lý của dây thần kinh ngoại biên
- c. ☐ Bệnh lý của bó vỏ gai
- d. ☐ Bệnh lý của tiểu não
- e. ☐ Bệnh lý của nhân nền

34 Một bệnh nhân biểu hiện những cử động xoay, vung ném chi ở nửa người, mắt thay đổi không đều, gốc chi nhiều hơn ngọn chi. Rối loạn vận động này có thể là:

- a. ☐ Loạn trương lực cơ
- b. ☐ Giật cơ (myoclonus)
- c. ☐ Múa vờn
- d. ☐ Múa giật
- e. ☐ Múa vung

35 Câu nào sau đây KHÔNG đúng khi điều chỉnh huyết áp trên bệnh nhân nhồi máu não:

- a. ☐ Nếu huyết áp tụt thấp thì có thể dùng thuốc vận mạch.
- b. ☐ Trong trường hợp tụt huyết áp cần bổ sung dung dịch muối đẳng trương 0,9%.
- c. ☐ Đảm bảo thông khí là điều cần thiết để hỗ trợ ổn định huyết áp
- d. ☐ Điều trị tăng huyết áp phải thật thận trọng, từ từ không nhanh để đảm bảo áp lực máu tưới cho não
- e. ☐ Trong trường hợp huyết áp tăng quá cao, cần nhanh chóng đưa về bình thường để tránh tổn thương não lan rộng.

36 Điều trị nào sau đây KHÔNG dùng để giảm áp lực nội sọ:

- a. ☐ Lợi tiểu.
- b. ☐ Mannitol.
- c. ☐ Corticosteroids.
- d. ☐ Barbiturate.
- e. ☐ Giữ PaCO₂ dưới 20 mmHg.

- 37** Đau đầu nào sau đây là đau đầu nguyên phát:
- a. ☐ Đau dây thần kinh V
 - b. ☐ Xuất huyết màng não
 - c. ☐ U não
 - d. ☒ Đau đầu căng cơ
 - e. ☐ Viêm động mạch đại bào
- 38** Yếu tố thuận lợi để xuất hiện cơn nhức đầu migraine:
- a. ☐ Mất ngủ
 - b. ☐ Bột ngọt
 - c. ☐ Lao động thể lực quá sức
 - d. ☐ Rượu, bia
 - e. ☒ Tất cả các yếu tố trên
- 39** Bệnh nhân nam 55 tuổi đột ngột có các triệu chứng: bán manh đồng danh, mất khả năng đọc, tâm thần lú lẫn và mất cảm giác nửa người đối bên. Có thể do nhồi máu vùng chi phối động mạch nào:
- a. ☐ Động mạch não giữa nhánh sâu.
 - b. ☐ Động mạch đầu vên.
 - c. ☐ Động mạch màng mạch trước
 - d. ☐ Động mạch thân nền.
 - e. ☒ Động mạch não sau.
- 40** Hội chứng Guillain-Barré thuộc nhóm:
- a. ☐ Bệnh một dây thần kinh.
 - b. ☐ Bệnh đa dây thần kinh.
 - c. ☐ Bệnh nhiều dây thần kinh.
 - d. ☒ Bệnh đa rễ dây thần kinh.
 - e. ☐ Bệnh đám rối thần kinh.
- 41** Triệu chứng đột quỵ động mạch sống nền có thể gồm các triệu chứng sau, NGOẠI TRỪ:
- a. ☐ Đứng không vững.
 - b. ☐ Tê quanh miệng.
 - c. ☐ Té ngã (drop attacks).
 - d. ☒ Mù một mắt
 - e. ☐ Chóng mặt.
- 42** Yếu tố nào sau đây KHÔNG PHẢI là yếu tố nguy cơ bệnh Alzheimer:
- a. ☐ Học vấn thấp
 - b. ☐ Nữ giới

- c. ☐ Chấn thương đầu
- d. ☐ Di truyền
- e. ☐ Tuổi trẻ

43 Dấu hiệu nào sau đây gợi ý nhiều nhất xuất huyết khoang dưới nhện ở bệnh nhân khám thấy có dấu màng não:

- a. ☐ Rối loạn ý thức
- b. ☐ Nôn ói
- c. ☐ Khởi phát đau đầu dữ dội đột ngột
- d. ☐ Tăng nhiệt độ đến 39°C
- e. ☐ Huyết áp thường tăng đột ngột

44 Đau do thụ thể có các đặc điểm sau đây, NGOẠI TRỪ:

- a. ☐ Đau bản thể (somatic) từ da, xương, khớp, cơ hay mô liên kết
- b. ☐ Đau nội tạng (Visceral) từ các cơ quan nội tạng như ruột, dạ dày
- c. ☐ Gây ra bởi tổn thương nguyên phát hay rối loạn chức năng hệ thần kinh ngoại biên hay trung ương
- d. ☐ Đáp ứng giảm đau với thuốc như Paracetamol, NSAID.
- e. ☐ Có ích - Bảo vệ

45 Liều kháng sinh điều trị viêm màng não mủ là:

- a. ☐ Ceftriaxone 6g, ngày chia 2 lần/ngày
- b. ☐ Ceftazidime 6g, chia làm 3 lần/ngày
- c. ☐ Amikacine 10mg/kg chia làm 3 lần/ngày
- d. ☐ Vancomycin 1g, dung ngày 1 lần/ngày
- e. ☐ Ampicilline 12g, chia làm 2 lần/ngày

46 Một bệnh nhân nam, 40 tuổi, khám bệnh vì đau đầu từ 3 ngày nay, mỗi ngày có trung bình 4 cơn đau. Đau vùng hốc mắt và trán bên trái, mức độ dữ dội, kèm đỏ mắt trái, nghẹt mũi trái. Khám lúc đau ghi nhận đồng tử trái co nhỏ. Chẩn đoán có khả năng nhất:

- a. ☐ Đau đầu cụm
- b. ☐ Vỡ phình động mạch thông sau trái
- c. ☐ Đau đầu migraine
- d. ☐ Đau đầu căng cơ
- e. ☐ Xuất huyết dưới nhện

47 Bệnh nhân nam, 32 tuổi, nhập viện vì sốt, li bì. Bệnh trước nhập viện 1 tuần, sốt kèm lạnh run. Ba ngày nay than đau đầu, sau đó li bì. Khám ghi nhận bệnh nhân li bì, không tiếp xúc, môi khô lưỡi dơ, vè mặt nhiễm trùng nhiễm độc, cổ gượng, Kernig (+), sốt 39°C. Cần làm ngay các việc sau đây, NGOẠI TRỪ:

- a. ☐ Công thức máu
- b. ☐ Chọc dò tủy sống

- c. ☐ MRI não
- d. ☐ X quang phổi
- e. ☐ Cấy máu

48 Sang thương cắt ngang tủy sống, chọn câu đúng :

- a. ☐ Liệt và mất hết cảm giác cùng bên tổn thương
- b. ☐ Sang thương một bên ảnh hưởng hai hệ cảm giác khác nhau
- c. ☐ Liệt vận động đối bên tổn thương
- d. ☐ Tổn thương hệ cột sau biểu hiện mất cảm giác đối bên
- e. ☐ Cảm giác đau nhiệt mất cùng bên tổn thương

49 Phần lớn (90%) bó tháp bắt chéo tại:

- a. ☐ Phần thấp hành não.
- b. ☐ Cuống não.
- c. ☐ Cầu não.
- d. ☐ Phần cao hành não.
- e. ☐ Tiểu não.

50 Đặc điểm của hội chứng Guillain-Barré:

- a. ☐ Điện cơ cho thấy tốc độ dẫn truyền thần kinh bình thường hay giảm ít
- b. ☐ Điều trị đặc hiệu bằng corticoid
- c. ☐ Có thể kéo dài quá 8 tuần
- d. ☐ Phần lớn các trường hợp là do mất myelin
- e. ☐ Tiến triển mạn tính

51 Loại cơ động kinh nào là cơ toàn thể:

- a. ☐ Cơ giật cơ
- b. ☐ Cơ vắng ý thức
- c. ☐ Cơ mất trương lực
- d. ☐ Cơ co cứng co giật toàn thể
- e. ☐ Tất cả các loại cơ trên

52 Bệnh nhân nữ, 65 tuổi, tiền căn: đái tháo đường 10 năm. 1 tháng nay, hay có cảm giác nóng buốt như lửa đốt 2 bàn chân. Bạn dùng thuốc điều trị nào sau đây:

- a. ☐ Gabapentin
- b. ☐ Aspirine
- c. ☐ Diclofenac
- d. ☐ Paracetamol

e. ☐ Tất cả đều sai

53 Ở tuổi nào thường xuất hiện động kinh vô căn NHẤT:

- a. ☐ 40-50 tuổi
- b. ☐ 20-30 tuổi
- c. ☐ 10-20 tuổi
- d. ☒ 1-10 tuổi
- e. ☐ 30-40 tuổi

54 Ở người trưởng thành, tuỷ sống tận cùng ở:

- a. ☒ Bờ trên đốt sống L2
- b. ☐ Bờ trên đốt sống L1
- c. ☐ Bờ trên đốt sống L5
- d. ☐ Bờ trên đốt sống L3
- e. ☐ Bờ trên đốt sống L4

55 Điều nào sau đây đúng khi nói về mù vỏ não:

- a. ☐ Gây giảm thị lực
- b. ☐ Do tổn thương thần kinh thị giác
- c. ☐ Gây ra hội chứng Anton
- d. ☐ A và B
- e. ☒ A và C

56 Bệnh nhân nữ, 40 tuổi, nhập viện vì co giật tay trái, lan chân và mặt bên trái, sau đó co giật toàn thân. Sau cơn bệnh nhân có giai đoạn mất ý thức vài phút và có tiểu không tự chủ. Xét nghiệm cận lâm sàng nào ưu tiên thực hiện:

- a. ☐ MRI sọ não
- b. ☐ Điện não đồ
- c. ☐ Chọc dò dịch não tủy
- d. ☒ A và B
- e. ☐ Thực hiện cả A, B và C

57 Thuốc KHÔNG được dùng trong bệnh nhược cơ:

- a. ☐ Thuốc có tính dẫn cơ.
- b. ☐ Botulinum toxin.
- c. ☐ Các thuốc: phenytoin, procainamide, quinine, quinidin, lithium, thuốc ức chế beta, các muối có Mg.
- d. ☐ Kháng sinh: Polymycin, nhóm aminoglycoside, tetracycline, lincomycine, clindamycine.
- e. ☒ Tất cả các nhóm thuốc trên

58 Một bệnh nhân có triệu chứng liệt nửa người bên trái, liệt thần kinh VII ngoại biên bên phải, tên hội chứng là:

- a. ☐ Hội chứng Millard Gubler
- b. ☐ Hội chứng cầu não sau.
- c. ☐ Hội chứng Foville.
- d. ☐ Hội chứng hành não sau bên.
- e. ☐ Hội chứng Weber.

59 Diện nào sau đây ở vỏ não liên quan chức năng cảm giác:

- a. ☐ 1, 2, 3
- b. ☐ 41, 42
- c. ☐ 17, 18, 19
- d. ☐ 4, 6, 8
- e. ☐ 44, 45

60 Các dấu hiệu báo động tai biến mạch máu não:

- a. ☐ Đột ngột yếu hay tê nửa thân
- b. ☐ Nói khó hay không nói được
- c. ☐ Co giật toàn thân
- d. ☐ Đột ngột chóng mặt và mất thăng bằng
- e. ☐ Câu A, B và D đúng

submit